

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 06-6-2019
V/v Ly hôn, giải quyết về con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hải Đường;
2. Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 669/2018/TLST-HNGĐ ngày 11-12-2018 về việc “Ly hôn, giải quyết về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15-5-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 30 tổ 32, ấp C, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp K, xã U, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện D. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc do hai bên tính tình không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên gây gổ. Từ khi chị sinh con thì mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến cuối năm 2011 chị đã dẫn con về chung sống với mẹ ruột tại ấp C, xã Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh cho đến nay nhưng anh T cũng không có thiện chí hàn gắn. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm chăm sóc cho ai, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên N, sinh ngày 15- 01 - 2008, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, việc anh T cấp dưỡng nuôi con thì tùy anh T.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T trình bày:

Thừa nhận lời khai của chị L về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn, con chung là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị L. Trường hợp chị L trực tiếp nuôi con thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Trường hợp anh trực tiếp nuôi con thì anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Về con chung: Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung N, sinh ngày 15-01-2008. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T có đơn xin vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L, anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện D. Quá trình chung sống, chị L và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khi anh chị có quan điểm khác nhau về việc chăm sóc, giáo dục con chung; nên từ cuối năm 2011 chị L và anh T không còn chung sống cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn; anh T thể hiện ý chí đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên N, sinh ngày 15-01-2008.

Cháu N sống với chị L từ nhỏ đến nay, nguyện vọng của cháu là tiếp tục được sống với chị L. Anh T thể hiện ý chí đồng ý giao con chung N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nguyện vọng của cháu. Do đó, chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung N của chị L.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T thể hiện ý chí đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N cho chị L theo quy định pháp luật, chị L cũng đồng ý theo ý chí của anh T. Do đó anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N là 700.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:
Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.
Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con;
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

1.1. Chị L và anh T chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên N, sinh ngày 15- 01- 2008.

Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con N. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung N 700.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung N đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Chị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011170 ngày 07-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh (đã nộp xong).

2.2. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện D,
- Chi cục THA H.D,
- UBND xã;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TẠ THỊ HÀ

